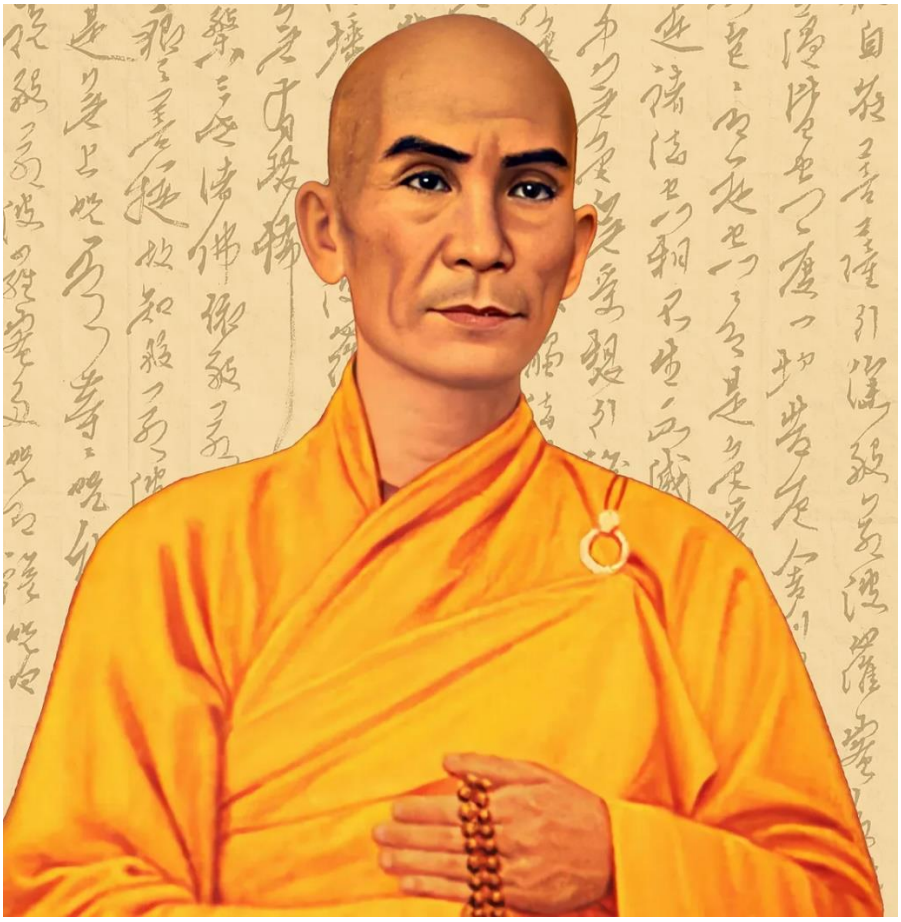
Bi Trí Dũng

Lê Huy Trứ



Uy vũ bất năng phục
Trí huệ bất năng hoại
Từ bi bất năng diệt
Bi Trí Dũng bất khuất

(Lê Huy Trứ)



Bồ Tát Thích Quảng Đức vị pháp tự thiêu

Bài thơ**"Lửa Từ Bi"** của Vũ Hoàng Chương là một trong những thi phẩm nổi tiếng nhất của văn học Việt Nam hiện đại viết về sự kiện Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu tại Sài Gòn ngày 11 tháng 6 năm 1963. Bài thơ được nhà thơ hoàn thành ngày 15 tháng 7 năm 1963 để tưởng niệm ngài. [thuvienhoasen.org], [thivien.net]

Điều đặc biệt là Vũ Hoàng Chương không nhìn hành động của Thích Quảng Đức như một cái chết bi thảm, mà như sự hiển lộ của **đại từ bi**, một ngọn lửa thức tỉnh lương tri nhân loại:

"Lửa! Lửa cháy ngất Tòa Sen!
Tám chín phương nhục thể trần tâm hiện thành
Thơ, quỳ cả xuống."

[thivien.net]

Hình ảnh "Tòa Sen" biến ngọn lửa thiêu thân thành hình tượng Phật giáo siêu việt. Toàn thể thi giới, toàn thể nhân gian, thậm chí "Đông Tây" đều "quỳ cả xuống" trước sự hy sinh ấy từ bi. [thivien.net]

Một trong những đoạn xúc động nhất là khi thi sĩ mô tả giây phút nhập định của vị hòa thượng:

"Bước ra, ngồi nhập định, hướng về Tây
Gọi hết LỬA vào xương da bỏ ngỏ
PHẬT-PHÁP chẳng rời tay..."

[thivien.net]

Ở đây, ngọn lửa không còn là lửa hủy diệt mà trở thành lửa giác ngộ. Thân xác cháy đi, nhưng đạo tâm bất động.

Đỉnh cao tư tưởng của bài thơ nằm ở những câu:

"Còn mãi chứ! còn TRÁI TIM BỒ TÁT
Gội hào quang xuống tận ngục A-tỳ."

[thivien.net]

Thân thể hữu hạn bị thiêu hủy, nhưng "trái tim Bồ Tát" trở thành biểu tượng bất diệt. Điều này cũng liên hệ đến sự kiện trái tim của Hòa thượng được ghi nhận là không bị thiêu hủy hoàn toàn sau lễ trà tỳ và được tôn kính như một xá lợi của lòng từ bi. Bài thơ tập trung vào ý nghĩa tinh thần ấy hơn là sự kiện lịch sử đơn thuần. [thuvienhoasen.org], [thivien.net]

Đối với nhiều Phật tử Việt Nam,**"Lửa Từ Bi"** gần như đã trở thành một bài "trường ca tâm linh" của Pháp nạn 1963. Nhóm thơ *Lửa từ bi (1963)* được xuất bản trong bối cảnh phong trào Phật giáo năm 1963, và chính bài thơ này là tác phẩm được nhắc nhớ nhiều nhất trong toàn bộ tập thơ. [thivien.net]

Nếu nhìn dưới góc độ Hoa Nghiêm, ngọn lửa của Thích Quảng Đức trong thơ Vũ Hoàng Chương không phải là sự hủy diệt một cá thể, mà là sự hiển lộ của **Một Tâm vô ngại**: thân cháy mà bi nguyện lan khắp pháp giới, đúng như câu:

"Nhân gian mát rợi bóng cây Bồ-Đề."

[thivien.net]

Đó là nghịch lý kỳ vĩ của bài thơ: **lửa cháy, nhưng thế giới được làm mát; thân hoại, nhưng từ bi hiện tiền.** [thivien.net]

Tôi xin họa một bài thơ theo tinh thần **Bi – Trí – Dũng**, đối thoại với *Lửa Từ Bi* của Vũ Hoàng Chương. Nếu ngọn lửa trong thơ ông làm rung chuyển nhân tâm, thì bài họa này hướng đến sức mạnh bất khuất của từ bi, ánh sáng của trí huệ và dũng khí trước cường quyền.

Họa Thơ

Lửa Từ Bi — Tinh thần Bi Trí Dũng

Tác giả: Lê Huy Trứ

Lửa Tam muội sáng rực trời,
Kim Cương bất hoại, uy nghiêm chẳng lùi.

Vô lượng từ bi rùng trùng
Trí tuệ soi sáng pháp giới đạo vàng

Uy vũ nào khuất được tâm?
Bạo quyền nào dập được mầm từ bi?

Thân tan, đạo chẳng tan đi,
Lửa thiêu nhục thể, từ bi trường tồn.

Một thân khép lại hoàng hôn,
Muôn lòng thức tỉnh, nước non vọng lời.

Không thù, chẳng hận, không sân,
Đại từ đại bi vị pháp thiêu thân.

Trí chiếu sáng nẻo u mê,
Bi khai chính đạo, Dũng là tâm can

Lửa tàn, hương vẫn ngát thơm,
Kim Cương bất hoại — sáng ngời nhân tâm.

Ý đối với Vũ Hoàng Chương: Nếu *Lửa Từ Bi* khắc họa ngọn lửa thiêu thân khiến thơ phải quỳ trước một biến cố bi tráng, thì *Lửa Kim Cương* chuyển trọng tâm từ sự kinh hoàng của cái chết sang sức sống không thể hủy diệt của đạo tâm.

- **Bi:** Không lấy hận thù đáp lại đàn áp.
- **Trí:** Nhìn xuyên qua thân hoại để nhận ra sức sống của thông điệp.
- **Dũng:** Không khuất phục trước uy quyền, nhưng cũng không đánh mất lòng từ bi.

Lửa có thể thiêu thân; không thể thiêu diệt điều mà ngọn lửa ấy đánh thức trong lòng người.

Đoạn thơ này có một điểm rất sâu: **vị hòa thượng không chống lại ngọn lửa bằng thân, cũng không chạy trốn ngọn lửa bằng tâm. Ngài ngồi nhập định.** Nếu tiếp tục theo tinh thần *thiền định — như như bất động*, ta có thể họa lại không phải bằng cách tái hiện sức nóng của lửa, mà bằng cách nhìn vào cái tâm không bị lửa thiêu đốt.

NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG
Họa tinh thần bài thơ Lửa Từ Bi
Tác giả: Lê Huy Trứ

Ngồi yên, chẳng đợi bình minh,
Lửa hồng chẳng động chân tình Như Lai.
Thân này một bóng hình hài,
Tâm không chỗ trụ, tháng ngày thong dong.

Lửa thiêu — chẳng động chân không,
Khói tan — chẳng ngại mênh mông pháp trường.
Tâm như gương sáng vô thường,
Chiếu soi vạn pháp, không vương bụi trần.

Không cầu lửa tắt, thân an,
Không mong danh tiếng lưu truyền thế gian.
Chẳng cầu sinh tử bình an,
Chẳng vì cái chết mà mang đạo mình.

Bi tâm chẳng khởi hận thù,
Trí quang chẳng nhiễm hơn thua mất còn.
Dũng không phải sức sắt son,
Là tâm bất động giữa cơn bạo tàn.

Lửa tàn, tro bụi hợp tan,
Ai còn thấy một thân tàn nơi đây?
Một niệm chẳng động là hay,
Muôn trùng pháp giới tháng ngày sáng soi.

Như như chẳng phải đứng yên,
Bất động chẳng phải lặng im cúi đầu.
Tùy duyên mà chẳng nhiễm sâu,
Giữa ngàn biến động, trước sau vẫn mình.

Bi — soi khổ nạn chúng sinh,
Trí — không chấp tướng tử sinh làm thường.

Dũng — không khuất phục cường quyền,
Mà không để hận che đường từ bi.

Lửa kia thiêu được thân này,
Nào thiêu được đạo vốn ngoài sắc thân?
Tâm không trụ chấp một lần,
Sen trong lửa đỏ, nguyệt ngần giữa không.

Mấy nét thiền cần giữ cho khỏi hiểu lầm

1. "Như như bất động" không có nghĩa là thân thể không đau.
Đó là lý tưởng về tâm không bị ngoại cảnh lôi kéo, không để sợ hãi hay sân hận chiếm ngự. Ta không thể từ tư thế nhập định mà khẳng định vị hòa thượng không cảm thấy đau đớn; điều bài thơ có thể diễn tả là phẩm chất tinh thần mà hình ảnh ấy gợi lên.

2. "Tâm không chỗ trụ" không đồng nghĩa với vô cảm.
Tâm không trụ không phải tâm không biết, không thương, không thấy bất công. Trái lại, trong cách đọc này, tâm không trụ vào sợ hãi, thù hận hay danh tiếng, nên lòng từ bi không bị những thứ ấy che lấp.

3. Bi–Trí–Dũng là một thể, không phải ba đức tính rời nhau.

- **Bi:** Không lấy đau khổ của mình làm cớ gieo thêm đau khổ.
- **Trí:** Thấy rõ thân có sinh diệt, nhưng không vì thế mà xem nhẹ sinh mạng.
- **Dũng:** Không để uy quyền khuất phục lương tri, cũng không để sân hận biến mình thành điều mình phản đối.

Và có lẽ câu then chốt là:

Như như chẳng phải đứng yên,
Bất động chẳng phải lặng im cúi đầu.

Bởi **bất động của thiền không nhất thiết là bất động của thân; đó là không để tâm bị cuốn đi.** Một người có thể ngồi yên mà tâm đầy sợ hãi; một người có thể đứng lên hành động mà tâm vẫn sáng trong, không bị thù hận sai khiến.

Trong hình tượng Thích Quảng Đức, điều khiến người đời xúc động không chỉ là ngọn lửa bao quanh thân thể, mà còn là câu hỏi mà tư thế nhập định đặt ra cho người chứng kiến: *Trước bạo lực, điều gì trong con người có thể không chịu khuất phục?*

Nếu đoạn trước lấy **"Như như bất động"** làm cốt tủy của thiền định, thì đoạn này đưa ta đến một tầng sâu hơn: **Kim Cương bất hoại — Trái Tim Bồ Tát**. Thân có thể bị hủy hoại, nhưng

lòng từ bi không vì thế mà biến thành hận thù; trí tuệ không vì thế mà khuất phục trước bạo lực; dũng lực không vì thế mà đánh mất bản tâm.

Tôi họa tiếp theo tinh thần ấy, lấy **Trái Tim Bồ Tát làm Kim Cương tâm**, không phải thứ cứng rắn vô tình, mà là lòng từ bi không thể bị sân hận phá hoại.

KIM CƯƠNG TÂM
Họa tinh thần Lửa Từ Bi
Tác giả: Lê Huy Trứ

Thân tàn, đạo chẳng hề tàn,
Lửa thiêu sắc tướng, tâm càng sáng trong.
Sen không nhiễm lửa bụi hồng,
Kim Cương bất hoại, một lòng từ bi.

Trái tim chẳng nói điều gì,
Mà vang sấm dậy giữa kỳ đảo điên.
Không thù, chẳng hận, chẳng nguyền,
Mà lay tỉnh giấc cuồng điên cõi người.

Hào quang chẳng ở cuối trời,
Chẳng từ phép lạ, chẳng rời nhân tâm.
Một lòng cứu khổ âm thầm,
Soi vào tăm tối, chẳng cần xưng danh.

A-tỳ sâu thẳm ngục thành,
Từ bi vẫn rọi, quang minh vẫn còn.
Không vì tội lỗi mà mòn,
Không vì đau khổ mà sờn thiện tâm.

Kim Cương chẳng phải sắt câm,
Chẳng là đá lạnh, chẳng là vô tri.
Cứng bền mà vẫn từ bi,
Soi gương trí tuệ, chẳng vì sân si.

Bi là chẳng nỡ đoạn lìa,
Trí là thấy rõ những gì hợp tan.
Dũng là chẳng chịu cúi hàng,
Mà không lấy hận đáp tràn hận sâu.

Lửa tàn, hỏi lửa về đâu?
Tim còn đập mãi trong câu hỏi người.
Bồ Tát chẳng ở xa vời,
Từ tâm bất hoại giữa đời vô thường.

Thân như giọt nắng bên đường,
Tâm không trụ tướng, muôn phương sáng ngời.
Kim Cương chẳng ở trên trời,
Chính nơi tim Bồ Tát đời nở sen.

1. Kim Cương bất hoại không phải là thân bất hoại

Trong tinh thần Phật học, thân thể vẫn thuộc pháp hữu vi: có sinh, có diệt, có thành, có hoại. Vì vậy, **"Kim Cương bất hoại" ở đây nên được hiểu như biểu tượng của đạo tâm và phẩm chất giác ngộ**, chứ không phải lời khẳng định rằng thân xác có thể vượt khỏi quy luật vật lý.

Lửa có thể thiêu thân; bạo lực có thể gây thương tích; cái chết có thể chấm dứt một đời người. Nhưng những điều ấy không tự động chứng minh rằng từ bi đã bị tiêu diệt, hay rằng chính nghĩa đã bị khuất phục.

2. Trái Tim Bồ Tát: mềm mà không yếu, cứng mà không lạnh

Kim cương tượng trưng cho sự kiên cố; trái tim Bồ Tát tượng trưng cho khả năng cảm thông với khổ đau. Ghép hai hình tượng ấy lại, ta có một nghịch lý thiền:

- **Từ bi mà không nhu nhược.**
- **Kiên định mà không cố chấp.**
- **Bất khuất mà không thù hận.**
- **Thấy khổ đau mà không quay lưng, thấy bất công mà không đánh mất trí sáng.**

Đó là cách hiểu **Bi–Trí–Dũng** như một thể thống nhất. Thiếu Bi, Dũng có thể thành bạo lực; thiếu Trí, Bi có thể bị cảm xúc dẫn dắt; thiếu Dũng, Trí và Bi có thể chỉ dừng lại ở nhận thức và thiện ý.

3. "Gội hào quang xuống tận ngục A-tỳ"

Trong câu thơ của Vũ Hoàng Chương, A-tỳ là hình ảnh cực điểm của khổ đau và đọa lạc. Đặt trái tim Bồ Tát đối diện với ngục A-tỳ, thi sĩ tạo nên một tương phản lớn: **nơi tối tăm nhất vẫn là nơi ánh sáng từ bi có ý nghĩa nhất**.

Hào quang ở đây không nhất thiết phải hiểu như ánh sáng siêu nhiên. Ta có thể đọc nó như sức lay động của một hành động khiến con người nhìn lại lương tri, trách nhiệm và khả năng gây khổ đau cho nhau.

Điều đáng chú ý là ánh sáng ấy không xuống để kết án những kẻ ở dưới ngục; nó xuống để soi sáng. Nếu ánh sáng chỉ làm tăng thêm căm ghét, nó đã xa rời ý nghĩa từ bi mà hình tượng Bồ Tát gợi ra.

4. Tầng sâu nhất: Kim Cương không phải để chống lại thế gian

Kim Cương tâm không phải một thành trì dựng lên để ngăn mọi xúc cảm đi vào. Đó là tâm có thể tiếp xúc với khổ đau mà không bị khổ đau biến thành hận thù; đối diện với uy quyền mà không trao cho uy quyền quyền định đoạt lương tri của mình.

Vì vậy, câu kết của bài họa là:

Kim Cương chẳng ở trên trời,
Chính nơi tim Bồ Tát đời nở sen.

Kim Cương là bất hoại; trái tim là từ bi; hoa sen là biểu tượng của sự thanh tịnh giữa bùn lầy. Ba hình tượng gặp nhau ở một ý:

Thân có thể hoại. Danh có thể phai. Nhưng lòng từ bi được tiếp nối trong tâm người khác thì không nhất thiết chấm dứt cùng một sinh mạng.

Đó không phải lời phủ nhận cái chết. Đó là cách nhìn vào điều mà cái chết không thể tự mình quyết định: ý nghĩa của một đời người.

Ở đoạn kết này, theo tôi, với **tuệ nhãn Hoa Nghiêm có thể nhìn xuyên qua nghịch lý lửa–mát, thân–tâm, một–tất cả để nhận ra sự vận hành của Một Tâm vô ngại**. Ngọn lửa trong thơ Vũ Hoàng Chương không còn chỉ thuộc về khoảnh khắc một thân thể bị thiêu đốt; qua sức mạnh biểu tượng của bài thơ, nó trở thành ánh sáng đánh thức lương tri, khơi dậy từ bi và mở rộng tình huynh đệ giữa người với người. Cách đọc này phù hợp với sự chuyển hóa từ bi kịch sang bóng mát tinh thần mà nhiều bình luận về *Lửa từ bi* đã nhận ra. (vanviet.info)

Tôi xin viết tiếp đoạn kết theo giọng bình giải của Lê Huy Trứ, đặt trọng tâm vào **Hoa Nghiêm, Kim Cương bất hoại và Trái Tim Bồ Tát**.

LỬA TỪ BI — MỘT TÂM VÔ NGẠI

Bình giải theo tuệ nhãn Hoa Nghiêm — Lê Huy Trứ

Nhìn đoạn kết *Lửa từ bi* dưới tuệ nhãn Hoa Nghiêm, ta không chỉ nhìn thấy một ngọn lửa, một nhục thân hay một biến cố lịch sử. Ta nhìn thấy sự tương nhập giữa một hành động và vô vàn tâm thức được đánh động bởi hành động ấy; giữa một khoảnh khắc hữu hạn và ý nghĩa có thể tiếp nối qua nhiều thế hệ; giữa cái nhìn về sự hủy hoại của thân xác và sự hiển lộ của lòng từ bi trong nhân gian.

Đó là tinh thần **Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại**: sự vật không bị cô lập trong chính nó, mà hiện hữu trong mạng lưới duyên khởi trùng trùng. Một ngọn lửa có thể chỉ cháy trong một thời khắc, nhưng ý nghĩa của nó không nhất thiết dừng lại ở thời khắc ấy. Một con người có thể lìa đời, nhưng hành động của người ấy tiếp tục lay động lương tri, chuyển hóa nhận thức và khơi dậy thiện tâm nơi những người còn sống.

Vì vậy, câu thơ **"Nhân gian mát rợi bóng cây Bồ-Đề"** chứa đựng một nghịch lý sâu sắc: lửa cháy mà nhân gian được mát; thân hoại mà từ bi hiện tiền; một người ra đi mà lòng người có thể xích lại gần nhau. Lửa và bóng mát không còn là hai hình ảnh loại trừ nhau. Trong cấu trúc nghệ thuật của bài thơ, chính ngọn lửa bi tráng trở thành duyên khởi cho bóng mát tinh thần.

Nhưng Hoa Nghiêm không dừng ở phép đối lập giữa lửa và mát. Đi sâu hơn, **một không tách khỏi tất cả, tất cả không rời một**. Một hành động đơn lẻ có thể hội đủ nhiều duyên và làm phát sinh những hệ quả vượt xa ý định ban đầu. Từ một thân người, bài thơ mở ra hình tượng Trái Tim Bồ Tát; từ một biến cố tại Sài Gòn năm 1963, thi ca mở rộng tầm nhìn đến khổ đau, tự do, hòa bình và tình huynh đệ nhân loại.

Đây không phải lời khẳng định rằng một cá nhân theo nghĩa vật lý biến thành toàn thể pháp giới. Đúng hơn, đó là cái nhìn thấy được **tính tương thuộc của mọi sự**: hành động không tồn tại biệt lập; ý nghĩa không bị nhốt trong thân phận của người hành động; và lòng từ bi, khi được tiếp nhận rồi tiếp nối, có thể đi vào đời sống của vô số người khác.

Bởi vậy, Kim Cương bất hoại không nhất thiết nằm ở một thân thể không thể bị hủy hoại. Kim Cương nằm trong phẩm chất tinh thần không dễ bị bạo lực làm cho biến chất: từ bi không chuyển thành thù hận, trí tuệ không bị bóng tối che lấp, dũng lực không trở thành sự tàn bạo. **Thân thuộc vô thường; đạo tâm được biểu tượng hóa như bất hoại; còn sự tiếp nối của đạo tâm tùy thuộc vào duyên và hành động của những người đến sau.**

Trái Tim Bồ Tát vì thế không phải một trái tim đóng kín trong huyền thoại, chỉ để người đời chiêm bái. Nó trở thành lời chất vấn đối với mỗi người đang sống: trước khổ đau của chúng sinh, ta có quay mặt đi không? Trước bất công, ta có đánh mất lương tri không? Khi chống lại điều ác, ta có để chính lòng sân hận biến mình thành nguồn gây khổ đau mới không?

Nếu ngọn lửa chỉ để lại kinh hoàng, lửa vẫn chỉ là lửa. Nếu ngọn lửa khiến con người thức tỉnh trước khổ đau của nhau, thì trong thế giới biểu tượng của bài thơ, lửa đã trở thành duyên cho ánh sáng từ bi.

Và đây là điểm gặp nhau giữa **Thiền định, Kim Cương bất hoại và Hoa Nghiêm**:

Tâm như như bất động không có nghĩa là thế gian bất động.
Kim Cương bất hoại không có nghĩa là thân thể bất hoại.
Một Tâm vô ngại không có nghĩa là một cái ngã lớn lao bao trùm vạn vật.

Đó là tâm không bị chấp trước trói buộc, có thể thấy các pháp trong tương quan duyên khởi, có thể hành động giữa biến động mà không đánh mất từ bi và trí tuệ.

Ngọn lửa rồi sẽ tàn. Tro bụi rồi sẽ tan. Ngay cả những tượng đài và trang sách cũng chịu sự biến đổi của thời gian. Nhưng bài thơ đặt ra một khả năng khác: **điều được lưu truyền không chỉ là ký ức về một cái chết, mà còn là câu hỏi về cách con người sống với nhau sau cái chết ấy.**

Nếu mỗi người tiếp nhận ánh sáng đó bằng một hành động giảm bớt khổ đau, một lần từ chối nuôi dưỡng thù hận, một lần can đảm bảo vệ lương tri, thì bóng cây Bồ-Đề không chỉ nằm trong câu thơ của Vũ Hoàng Chương. Nó tiếp tục được vun trồng giữa nhân gian.

Một thân — nhiều duyên.
Một niệm từ bi — muôn đường tiếp nối.
Lửa cháy — bóng mát hiện.
Thân hoại — đạo nghĩa chưa cùng.

Đó là nghịch lý của Lửa Từ Bi; và dưới tuệ nhãn Hoa Nghiêm, đó cũng là hình ảnh của pháp giới trùng trùng duyên khởi: một không lìa tất cả, tất cả không rời một; trong vô ngại mà hiển lộ, trong vô thường mà tiếp nối.

Một điểm cần giữ cho thật đúng tinh thần Hoa Nghiêm

Câu **"Một Tâm vô ngại"** ở đây nên được hiểu như cách diễn đạt triết học và thi ca của Lê Huy Trứ, không phải một thực thể thường hằng đứng sau vạn vật. Nếu biến "Một Tâm" thành một bản ngã vũ trụ bất biến, ta có thể vô tình rời xa tinh thần duyên khởi và vô ngã.

Cũng vậy, nói ngọn lửa trở thành lửa giác ngộ là nói về **sự chuyển hóa ý nghĩa trong tâm thức người chứng kiến và trong lịch sử tiếp nhận**, không phải phủ nhận đau đớn thể xác hay xem cái chết tự nó là giác ngộ.

Chính sự phân biệt ấy làm cho nghịch lý cuối bài thơ sáng rõ hơn: **không phải lửa tự nó làm mát nhân gian; chính lòng từ bi được đánh thức và tiếp nối mới tạo nên bóng mát ấy.**